

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Nguyên.
2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1995 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm D, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An).

2. Bị đơn: Bà Quảng Thành Nữ Bạch T1, sinh năm 1996 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là tổ dân phố T, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Công T trình bày:

Ông và bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 chung sống với nhau năm 2018, có tổ chức cưới hỏi, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T – T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Khánh Hòa). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 ở thôn T, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là tổ dân phố T, phường B, tỉnh Khánh Hòa). Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, phong tục, tập quán của hai bên khác biệt. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm, không còn sống chung một nhà, không còn quan tâm đến nhau. Ông xác định không còn tình cảm với vợ. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Quảng Thành Nữ Bạch T1.

Về con chung: Ông và bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 có 01 con chung tên Lê Công Ngọc T2, sinh ngày 28/01/2019. Khi ly hôn, ông yêu cầu giao con chung Lê Công Ngọc T2 cho bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải vì tình cảm vợ chồng không còn nên không có khả năng hàn gắn lại tình cảm.

Hiện nay, ông đang công tác ở xa không thể thu xếp thời gian để về tham dự phiên tòa sơ thẩm, vì vậy, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 trình bày:

Bà và ông Lê Công T chung sống với nhau năm 2018, có tổ chức cưới hỏi, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Khánh Hòa). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà ba, mẹ ruột của bà ở thôn T, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là tổ dân phố T, phường B, tỉnh Khánh Hòa). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng một năm, không còn sống chung một nhà, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bà xác định không còn tình cảm với chồng. Vì vậy, ông Lê Công T yêu cầu được ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông Lê Công T có 01 con chung tên Lê Công Ngọc T2, sinh ngày 28/01/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Công Ngọc T2, bà không yêu cầu ông Lê Công T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà bận công việc không thể thu xếp thời gian để đến tham dự phiên tòa sơ thẩm, vì vậy, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà cam kết không khiếu nại gì về việc không tham dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Công T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Quảng Thành Nữ Bạch T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 trú tại phường B, tỉnh Khánh Hòa (cũ là xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

[1.2]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn ông Lê Công T, bị đơn bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong

hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Công T và bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2019, ngày 02/01/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Công T trình bày: Từ năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung do phong tục, tập quán của hai bên khác biệt. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm, không còn sống chung một nhà, không còn quan tâm đến nhau. Ông xác định không còn tình cảm với vợ. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Quảng Thành Nữ Bạch T1; Bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 cũng đồng ý ly hôn với ông Lê Công T nhưng cả ông Lê Công T và bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 đều không đồng ý tiến hành thủ tục Hòa giải và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 và ông Lê Công T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Công T với bà Quảng Thành Nữ Bạch T1.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi con của bà Quảng Thành Nữ Bạch T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 và ông Lê Công T không còn sống chung thì cháu Lê Công Ngọc T2, sinh ngày 28/01/2019 do bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Công T cũng đồng ý giao con chung tên Lê Công Ngọc T2, sinh ngày 28/01/2019 cho bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 xác định có đủ khả năng để nuôi con nên không yêu cầu ông Lê Công T cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Công Ngọc T2 cho bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 không yêu cầu ông Lê Công T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Công T và bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập tới.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Lê Công T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định về áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công T.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Công T được ly hôn với bà Quảng Thành Nữ Bạch T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Công Ngọc T2, sinh ngày: 28/01/2019 cho bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Công T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Quảng Thành Nữ Bạch T1 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Công T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000213 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Lê Công T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn ông Lê Công T và bị đơn bà Quảng Thành Nữ Bạch T1, quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số: 01/2019, ngày 02/01/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng